

SO SÁNH ĐIỀU LỆ 2021 VÀ ĐIỀU LỆ 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

STT	Điều khoản	Nội dung		Ghi chú
		Điều Lệ 2021	Dự Thảo Điều Lệ 2022	
1	Điều 1.1.c	Chưa có.	Bổ sung định nghĩa “ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ” là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công Ty với mã số doanh nghiệp là 0304814339 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày ngày 29 tháng 12 năm 2006, được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.	-
2	Điều 1.1.h	“ Người quản lý Công Ty ” hoặc “ Người quản lý ” là người quản lý Công Ty bao gồm Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, (các) Phó Tổng Giám Đốc, (các) Giám Đốc Chi Nhánh và Kế Toán Trưởng.	“ Người quản lý Công Ty ” hoặc “ Người quản lý ” là người quản lý Công Ty bao gồm Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, (các) Phó Tổng Giám Đốc, (các) Giám Đốc Chi Nhánh, Giám Đốc Tài Chính và Kế Toán Trưởng.	Bổ sung chức danh “ Giám Đốc Tài Chính ” là người quản lý Công Ty nhằm phù hợp với quy định về “người nội bộ” của doanh nghiệp theo Điểm a Khoản 45 Điều 4 Luật Chứng Khoán.
3	Điều 1.1.1	Chưa có.	Bổ sung định nghĩa “ Tỷ lệ sở hữu nước ngoài ” là tổng tỷ lệ sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài tính trên Vốn Điều Lệ của Công Ty. Trong trường hợp này, nhà đầu tư nước ngoài được xác định bao gồm tất cả nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ của tổ chức kinh tế đó.	-

4	Điều 3.2	<p>“2. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty có thể là Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc Tổng Giám Đốc hoặc đồng thời là Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám Đốc tùy thuộc vào quyết định của Hội Đồng Quản Trị tại từng thời điểm.”</p>	<p>“2. Công Ty có thể có 01 (một) hoặc nhiều người đại diện theo pháp luật. Các trường hợp cụ thể bao gồm:</p> <p>a. Trường hợp Công Ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật: Người đại diện theo pháp luật của Công Ty là Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc Tổng Giám Đốc tùy thuộc vào quyết định của Hội Đồng Quản Trị tại từng thời điểm.</p> <p>b. Trường hợp Công Ty có hơn 01 (một) người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám Đốc đương nhiên là người đại diện theo pháp luật của Công Ty. Tùy thuộc vào quyết định của Hội Đồng Quản Trị, Công Ty lựa chọn đăng ký Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc Tổng Giám Đốc là người đại diện theo pháp luật của Công Ty với Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước. Người đại diện theo pháp luật đã đăng ký là người chịu trách nhiệm cung cấp tài liệu và làm việc với Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.”</p>	<p>Điều chỉnh nhằm phù hợp với quy định về “người đại diện theo pháp luật của công ty chứng khoán” theo Khoản 1 Điều 182 Nghị Định 155/2020/NĐ-CP.</p>
5	Điều 9.4	Chưa có.	<p>Bổ sung quy định “Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công Ty là 49%”.</p>	
6	Điều 10.3.a	<p>“Cổ phần ưu đãi biểu quyết là cổ phần có số phiếu biểu quyết nhiều hơn so với số phiếu biểu quyết của cổ phần phổ thông; số phiếu biểu quyết của một cổ phần ưu đãi biểu quyết do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định khi thực hiện phương án phát hành thêm cổ phần. Chỉ có tổ chức được Chính phủ ủy quyền và cổ đông sáng lập được quyền nắm giữ cổ phần ưu đãi biểu quyết. Ưu đãi biểu quyết của</p>	<p>“Cổ phần ưu đãi biểu quyết là cổ phần có số phiếu biểu quyết nhiều hơn so với số phiếu biểu quyết của cổ phần phổ thông; số phiếu biểu quyết của một cổ phần ưu đãi biểu quyết do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định khi thực hiện phương án phát hành thêm cổ phần. Chỉ có tổ chức được Chính phủ ủy quyền được quyền nắm giữ cổ phần ưu đãi biểu quyết”.</p>	<p>Điều chỉnh nhằm phù hợp với thực tế của Công Ty.</p>

		cổ đông sáng lập chỉ có hiệu lực trong 03 (ba) năm kể từ ngày Công Ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. Sau thời hạn đó, cổ phần ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chuyển đổi thành cổ phần phổ thông”.		
7	Điều 12.1.c	Cổ đông phổ thông có quyền: “Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công Ty”.	Cổ đông phổ thông có quyền: “Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công Ty phù hợp với phương án chào bán cổ phần/phương án tăng Vốn Điều Lệ được Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận”.	Điều chỉnh nhằm phù hợp với thực tế của Công Ty.
8	Điều 13.2	Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết: “Các quyền khác như cổ đông phổ thông, ngoại trừ quyền chuyển nhượng cổ phần ưu đãi biểu quyết cho người khác”.	Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết: “Các quyền khác như cổ đông phổ thông, ngoại trừ quyền chuyển nhượng cổ phần ưu đãi biểu quyết cho người khác, trừ trường hợp chuyển nhượng theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc thừa kế”.	Điều chỉnh nhằm phù hợp với Khoản 3 Điều 116 Luật Doanh Nghiệp.
9	Điều 19.2	Chưa có.	Bổ sung quy định về việc chào bán sản phẩm tài chính, chứng quyền, quyền của người sở hữu chứng quyền của Công Ty.	Bổ sung quy định nhằm phù hợp với nhu cầu hoạt động của Công Ty.
10	Điều 20.3	-	“Sau khi hoàn tất việc tăng, giảm Vốn Điều Lệ, Công Ty thực hiện thủ tục điều chỉnh (i) Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán và (ii) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công Ty theo quy định của pháp luật”.	Điều chỉnh nhằm phù hợp với thực tế của Công Ty.
11	Điều 28.5.f	Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải thực hiện các công việc sau	Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải thực hiện các công việc sau	Điều chỉnh nhằm phù hợp với thực tế của Công Ty.

		đây: “Xác định thời gian và địa điểm họp”.	đây: “Xác định thời gian và địa điểm họp, hình thức tổ chức cuộc họp”.	
12	Điều 35	<p>“1. Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>2. Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông:</p> <p>a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều Lệ;</p> <p>b. Định hướng phát triển Công Ty;</p> <p>c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát;</p> <p>e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty;</p> <p>f. Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán hàng năm;</p> <p>g. Tổ chức lại, giải thể Công Ty.</p> <p>3. Ngoài các vấn đề quy định tại Khoản 2 Điều này, các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản”.</p>	<p>“Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, trừ trường hợp các vấn đề phải được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên theo quy định tại Khoản 3 Error! Reference source not found. của Điều Lệ”.</p>	Điều chỉnh nhằm tạo sự linh hoạt trong trường hợp cần thiết phải lấy ý kiến của cổ đông.

13	Điều 36	<p>“1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 3, 4 và 6 Điều này:</p> <p>a. Loại cổ phần và tổng cổ phần từng loại;</p> <p>b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty;</p> <p>d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty;</p> <p>e. Tổ chức lại, giải thể Công Ty.</p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này.</p> <p>...</p> <p>4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành...”</p>	<p>“1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 3, 4 và 6 Điều này:</p> <p>a. Thay đổi Vốn Điều Lệ, loại cổ phần và tổng cổ phần từng loại;</p> <p>b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty;</p> <p>d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty;</p> <p>e. Tổ chức lại, giải thể Công Ty.</p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này.</p> <p>...</p> <p>4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 và 6 Điều này...”</p>	<p>Điều chỉnh nhằm phù hợp với Khoản 5 Điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Doanh Nghiệp.</p>
----	---------	---	--	--

14	Điều 45.3	Chưa có.	Bổ sung quy định “Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội Đồng Quản Trị”.	Điều chỉnh nhằm phù hợp với thực tế của Công Ty và Khoản 3 Điều 277 Nghị Định 155/2020/NĐ-CP.
15	Điều 48.2	“Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội Đồng Quản Trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Khoản 1 Điều 158 của Luật Doanh Nghiệp thì biên bản này có hiệu lực”.	“Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội Đồng Quản Trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Khoản 1 Điều 158 của Luật Doanh Nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội Đồng Quản Trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều Lệ và quy định của pháp luật có liên quan”.	Điều chỉnh nhằm phù hợp với Khoản 6 Điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Doanh Nghiệp.
16	Điều 56.4	-	Bổ sung quy định “Trường hợp có Kiểm Soát Viên được bầu bổ sung hoặc thay thế Kiểm Soát Viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của Kiểm Soát Viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Ban Kiểm Soát”.	-
17	Điều 64.1	“Theo đề nghị của Tổng Giám Đốc và được sự chấp thuận của Hội Đồng Quản Trị, Công Ty được tuyển dụng (các) Phó Tổng Giám Đốc, (các) Giám Đốc Chi Nhánh và Kế Toán Trưởng...”.	“Theo đề nghị của Tổng Giám Đốc và được sự chấp thuận của Hội Đồng Quản Trị, Công Ty được bổ nhiệm , tuyển dụng (các) Phó Tổng Giám Đốc, (các) Giám Đốc Chi Nhánh, Giám Đốc Tài Chính và Kế Toán Trưởng...”.	Bổ sung chức danh “Giám Đốc Tài Chính” là người điều hành Công Ty, thuộc trường hợp do Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm.

18	Điều 71.1	<p>“1. Trừ trường hợp được thực hiện theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và quy định của pháp luật có liên quan, Công Ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Công Ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.</p> <p>b. Công Ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân....</p> <p>c. Công Ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức...”.</p>	<p>“1. Trừ trường hợp được phép thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan, Công Ty không được cho vay tiền, chứng khoán dưới mọi hình thức và không được dùng tiền, tài sản của Công Ty hoặc của khách hàng để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán cho bên thứ ba”.</p>	<p>Điều chỉnh nhằm phù hợp với thực tế của Công Ty và Điều 27 Thông tư 121/2020/TT-BTC.</p>
19	Điều 78.4	<p>“Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên. Hội Đồng Quản Trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong Sổ đăng ký cổ đông chậm nhất là 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải bao gồm các nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 135 của Luật Doanh Nghiệp”.</p>	<p>“Trường hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên thông qua việc trả cổ tức, cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên. Trình tự, thủ tục trả cổ tức được thực hiện theo quy định tương ứng của Luật Chứng Khoán, Luật Doanh Nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan”.</p>	<p>Điều chỉnh nhằm phù hợp với thực tế của Công Ty.</p>

20	Điều 80.1	<p>“Hàng năm, Công Ty trích từ lợi nhuận sau thuế để lập và duy trì các quỹ sau đây:</p> <p>a. Trích 5% vào quỹ dự trữ bổ sung Vốn Điều Lệ; khi số dư bằng 10% Vốn Điều Lệ thì không trích nữa;</p> <p>b. Trích 5% vào quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ; khi số dư quỹ bằng 10% Vốn Điều Lệ thì không trích nữa;</p> <p>c. Mua bảo hiểm nghề nghiệp hoặc trích lập quỹ bảo vệ nhà đầu tư/quỹ dự phòng rủi ro và đền bù tổn thất theo quy định của pháp luật;</p> <p>d. Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán theo quy định của pháp luật.</p> <p>e. Trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>f. Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định đối với doanh nghiệp;</p> <p>g. Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi;</p> <p>h. Trích lập dự phòng các quỹ khác theo quy định của pháp luật (nếu có)”.</p>	<p>“Tùy thuộc vào quy định của pháp luật và chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông tại từng thời điểm, Công Ty có thể trích từ lợi nhuận sau thuế hàng năm để lập và duy trì các quỹ sau đây:</p> <p>a. Trích quỹ dự trữ bổ sung Vốn Điều Lệ;</p> <p>b. Trích quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ;</p> <p>c. Mua bảo hiểm nghề nghiệp hoặc trích lập quỹ dự phòng thiệt hại cho nhà đầu tư;</p> <p>d. Trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư;</p> <p>e. Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi;</p> <p>f. Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và dự phòng trợ cấp mất việc;</p> <p>g. Trích lập dự phòng các quỹ bắt buộc khác theo quy định của pháp luật (nếu có)”.</p>	<p>Điều chỉnh nhằm phù hợp với thực tế của Công Ty và Thông tư 114/2021/TT-BTC, Thông tư 91/2020/TT-BTC, Thông tư 48/2019/TT-BTC.</p>
----	-----------	---	---	---

Ghi chú: Ngoài các nội dung được liệt kê như trên, các điều chỉnh khác về cách thức bố trí, cấu trúc, câu từ và dẫn chiếu trong Dự Thảo Điều Lệ 2022 chỉ nhằm mục đích bảo đảm rõ ràng, thống nhất về hình thức và nội dung của toàn bộ văn bản, không thay đổi nội dung, ý nghĩa so với Điều Lệ 2021.